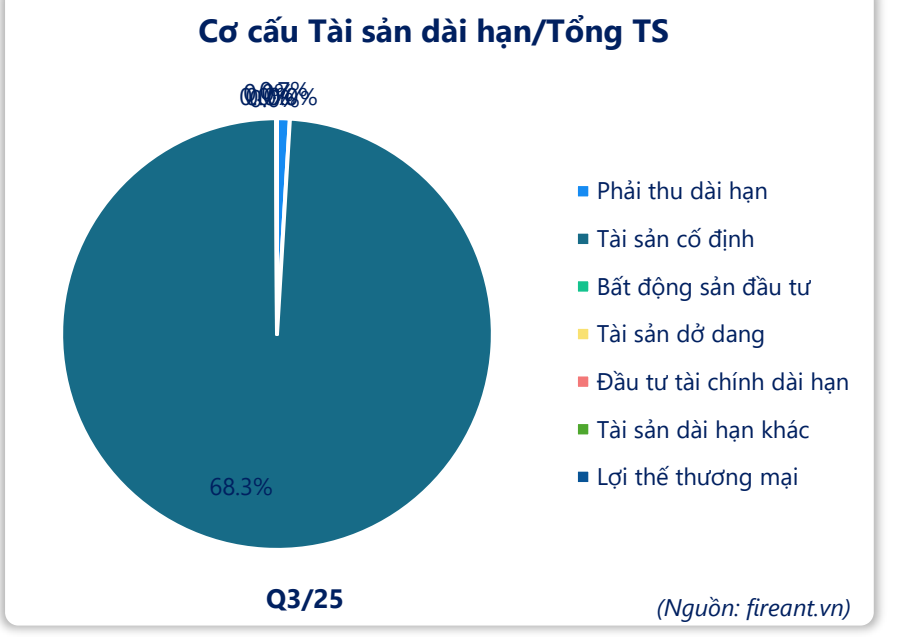
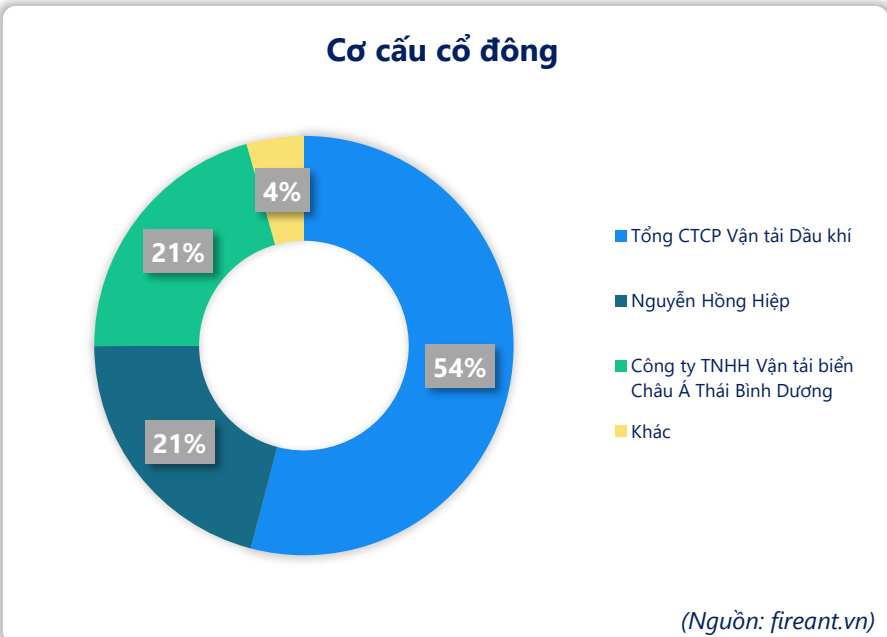
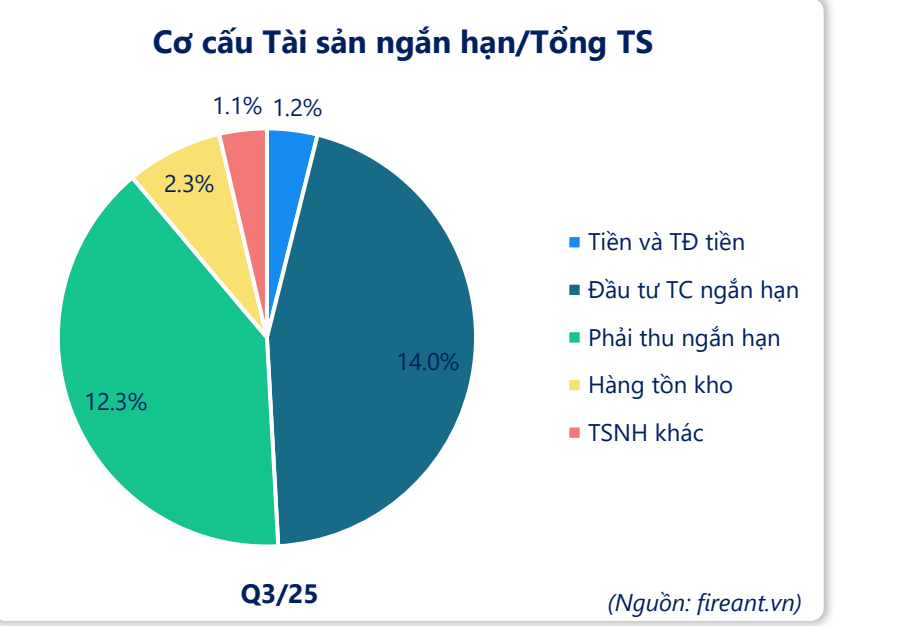
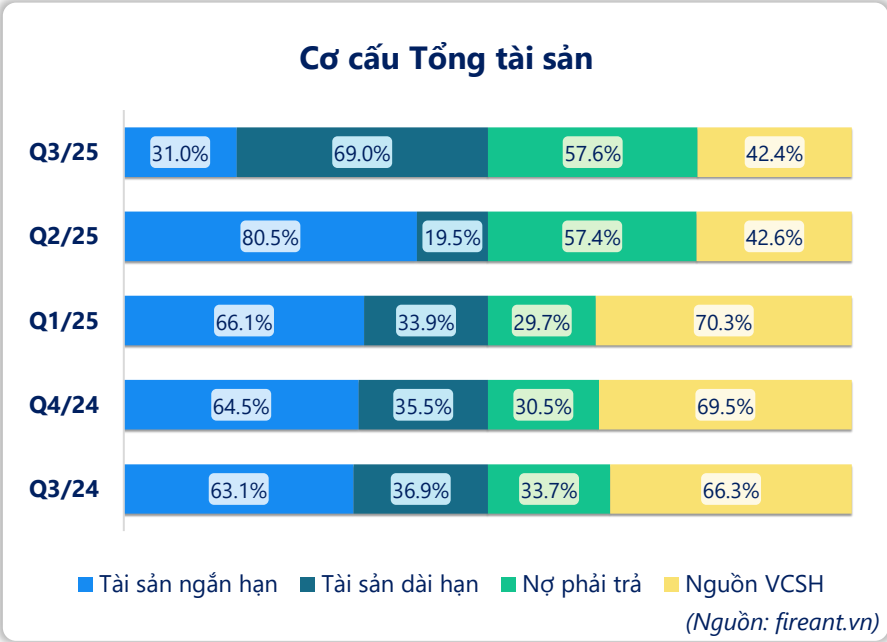
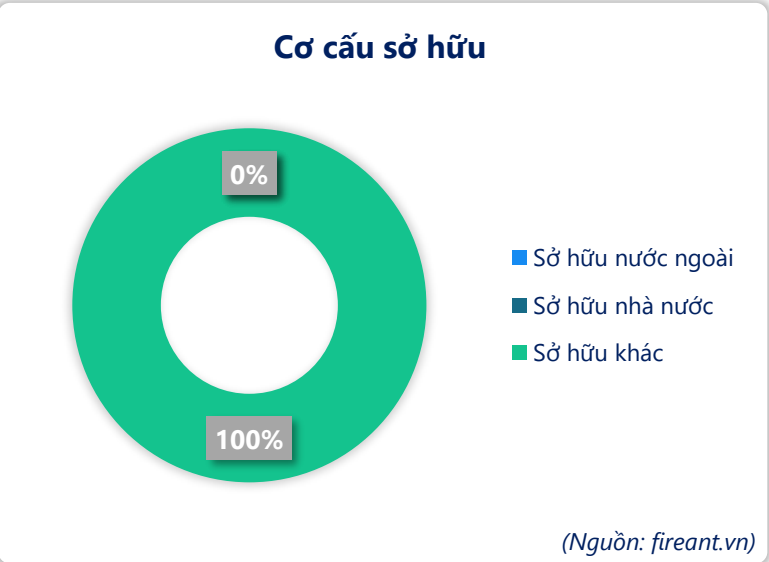
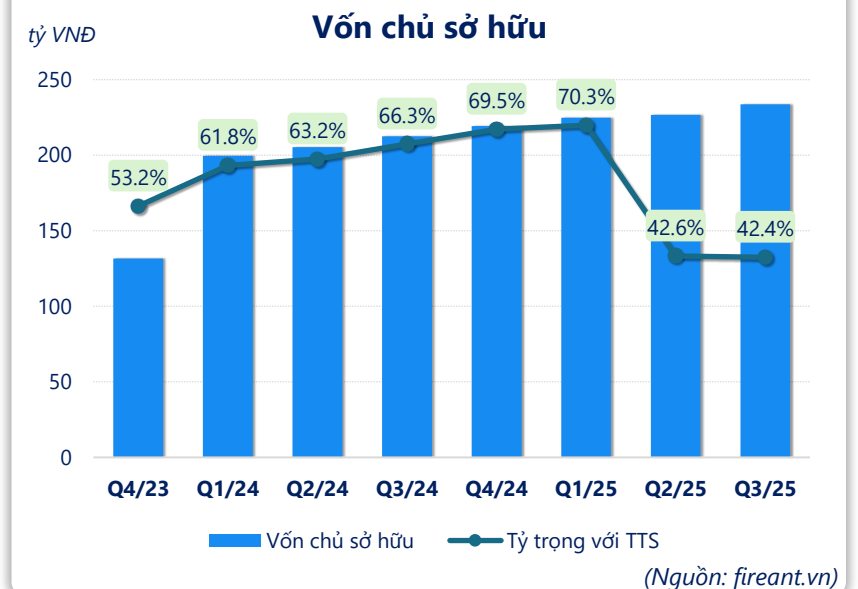
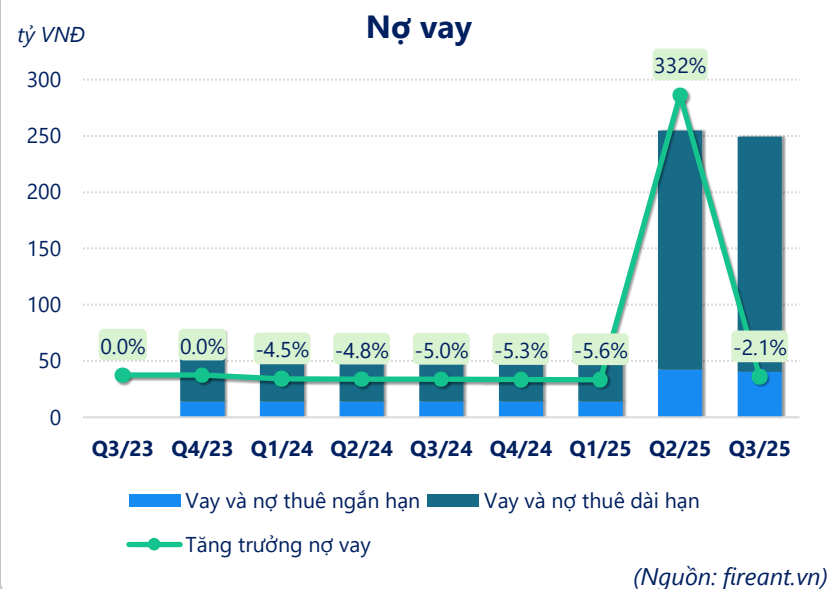
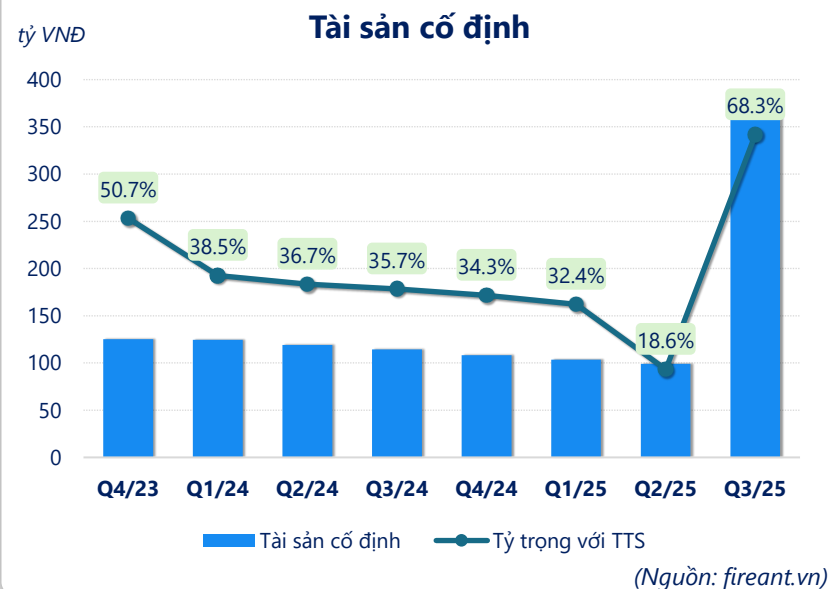
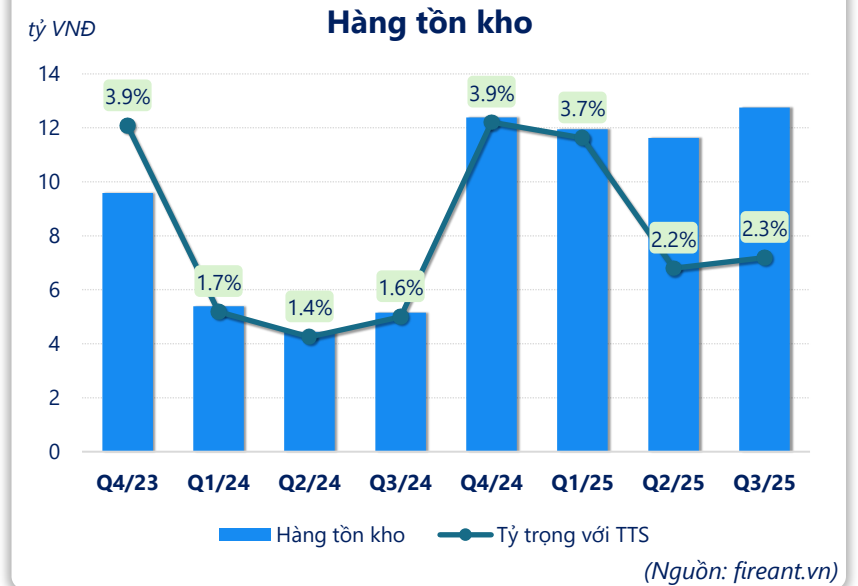
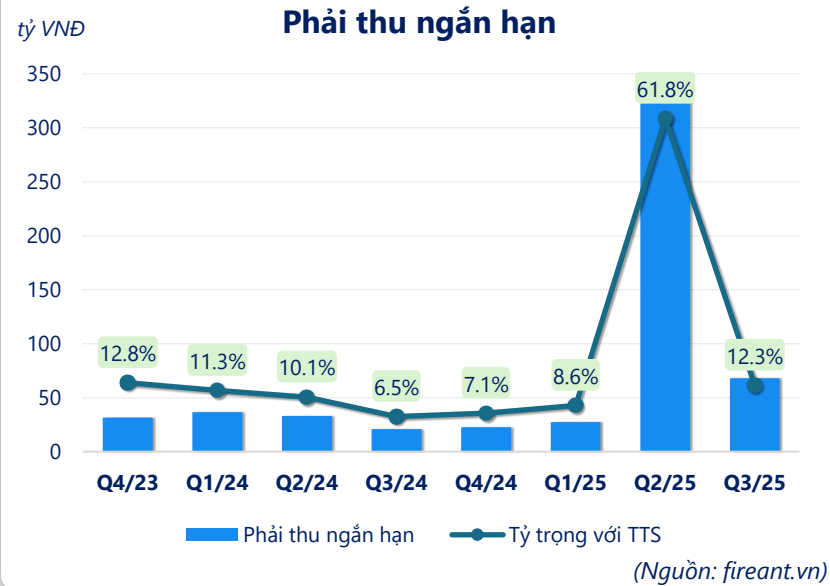
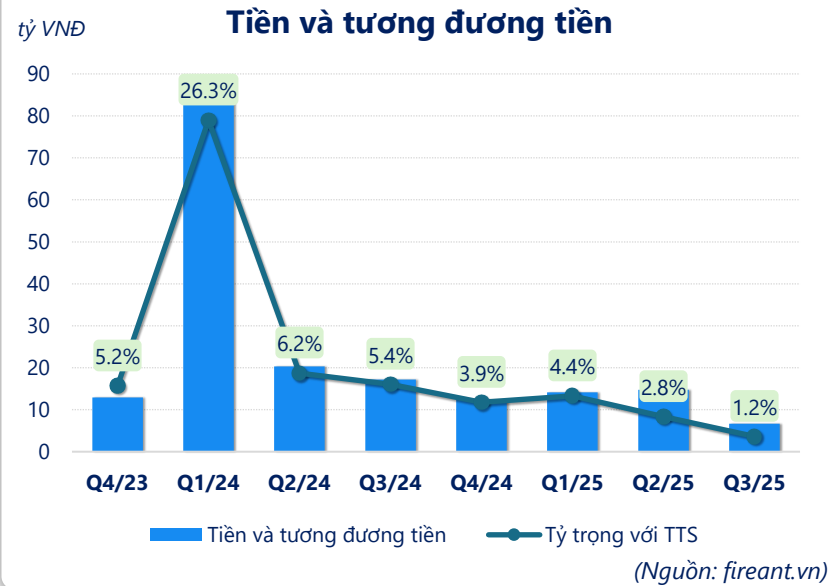
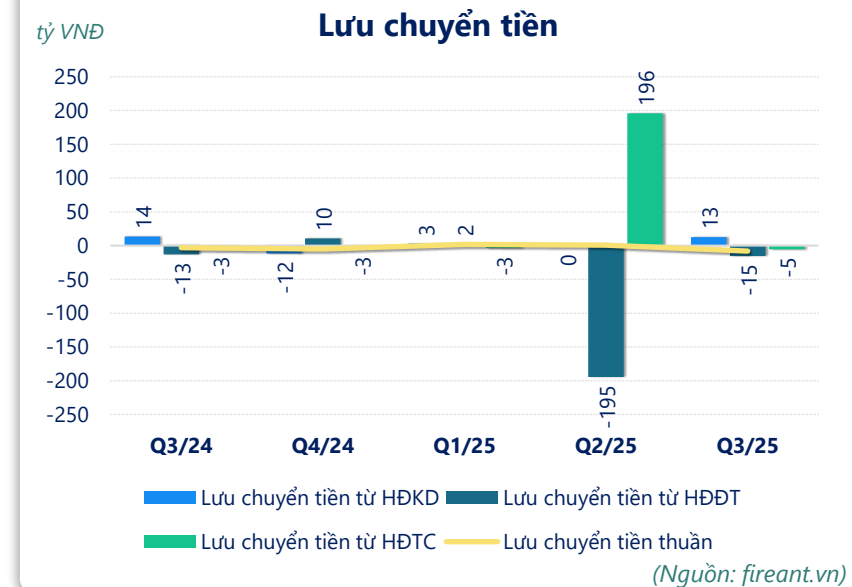
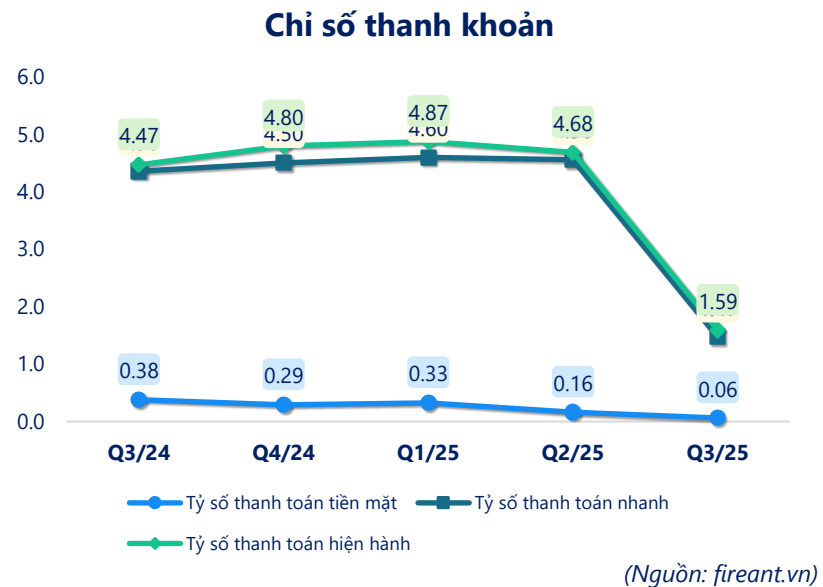
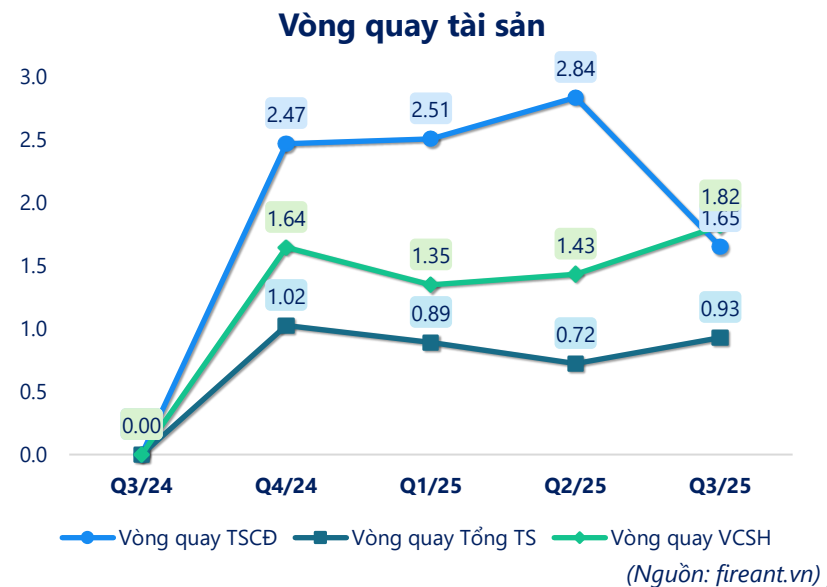
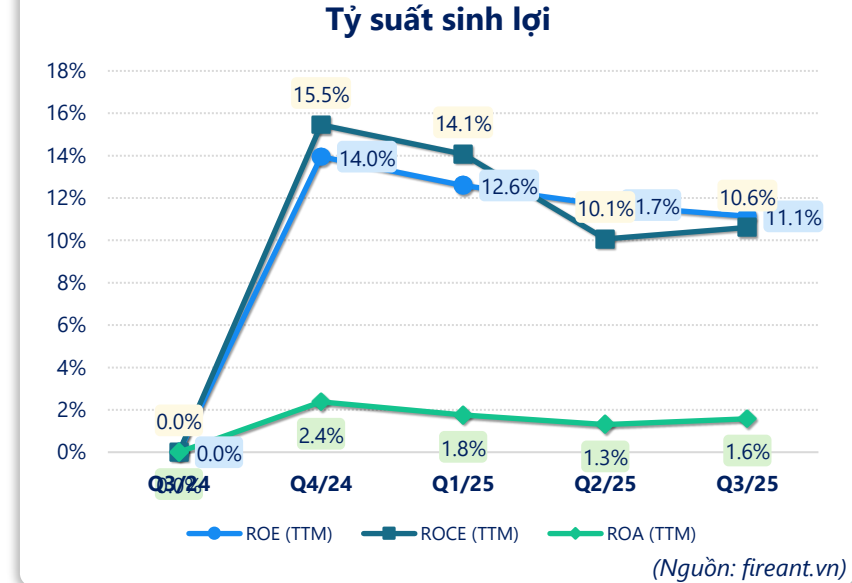
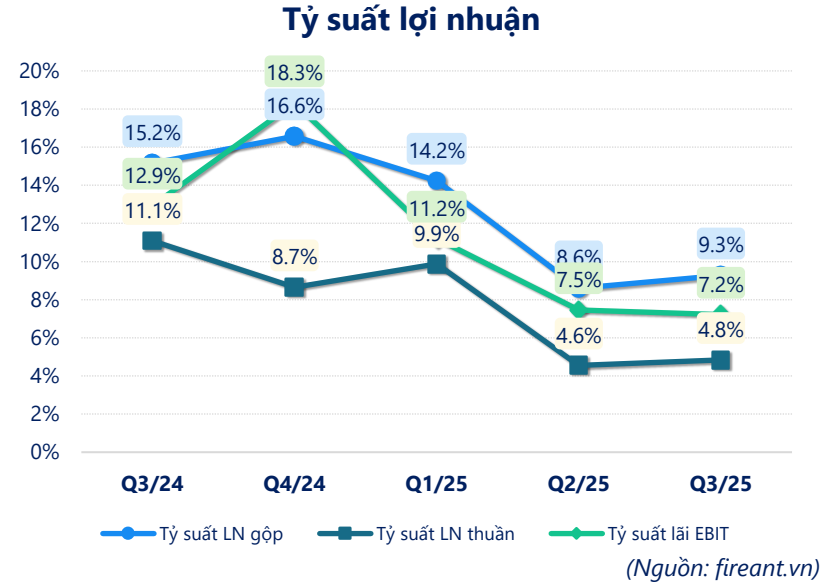
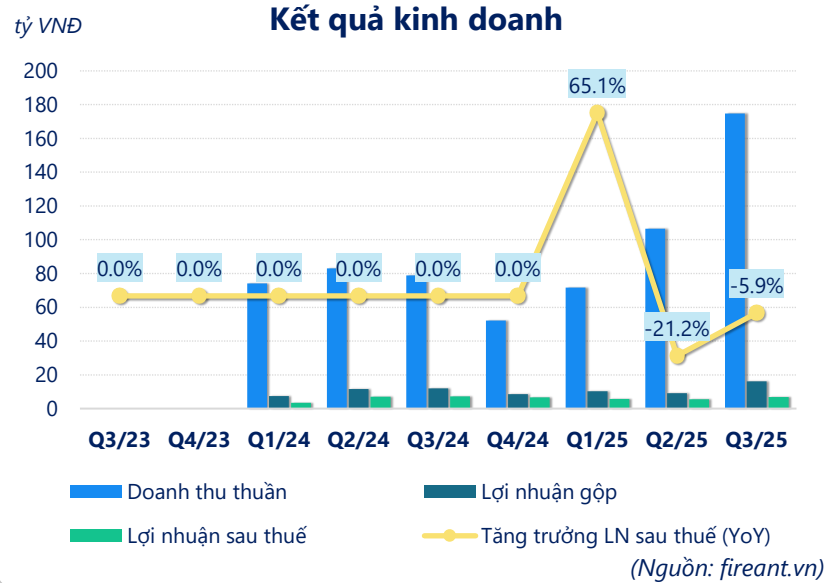


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,700
SL cổ phiếu LH		16,493,172
KLGD BQ 20 phiên (CP)		175
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		185
P/E		7.4
EPS		1,506

	YTD	1T	3T	6T
PTT	-1.8%	0.0%	-1.8%	-1.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	551	315	74.8%
Tài sản ngắn hạn	171	204	-16.0%
Tiền và tương đương tiền	6.67	12.3	-46.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.3	152	-49.1%
Phải thu ngắn hạn	67.9	22.5	201%
Hàng tồn kho	12.8	12.4	3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	6.28	4.32	45.5%
Tài sản dài hạn	381	112	240%
Phải thu dài hạn	3.63	3.27	10.9%
Tài sản cố định	377	108	248%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	0.35	-41.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.02	-34.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	318	96.3	230%
Nợ ngắn hạn	108	42.4	154%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.4	13.9	191%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.2	17.0	54.0%
Nợ dài hạn	210	53.8	290%
Vay và nợ thuê dài hạn	209	48.6	330%
Nguồn vốn chủ sở hữu	234	219	6.6%
Vốn chủ sở hữu	234	219	6.6%
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	78.9	52.1	71.7	107	175
Giá vốn hàng bán	67.0	43.5	61.5	97.4	158
Lợi nhuận gộp	12.0	8.64	10.2	9.17	16.2
Doanh thu HĐTC	2.01	2.31	2.30	1.72	1.59
Chi phí TC	1.14	1.10	1.02	0.94	3.98
Chi phí lãi vay	1.09	1.06	0.95	0.94	3.96
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.09	5.33	4.41	5.10	5.36
LN thuần từ HĐKD	8.75	4.51	7.08	4.85	8.46
Lợi nhuận khác	0.38	3.97	0	2.16	0.19
LN trước thuế	9.13	8.48	7.08	7.01	8.65
Lợi nhuận sau thuế	7.27	6.68	5.65	5.59	6.90
LNST của CĐ cty mẹ	7.27	6.68	5.65	5.59	6.90

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.5	-11.8	3.26	-0.48	12.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.2	10.4	2.01	-195	-15.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.47	-3.47	-3.47	196	-5.47
Tiền đầu kỳ	20.3	17.2	12.3	14.1	14.8
Lưu chuyển tiền thuần	-3.14	-4.80	1.79	0.64	-8.11
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.2	12.3	14.1	14.8	6.67

(Nguồn: fireant.vn)